

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 370/TTr-UBND ngày 25/11/2016; Báo cáo thẩm tra số 136/BC-KTNS ngày 10/12/2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 với các nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại nghị quyết này.

1.2. Đối tượng áp dụng:

- Các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

- UBND các huyện, thành phố.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 (Có quy định chi tiết kèm theo)

3. Nguyên tắc áp dụng

3.1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 ban hành kèm theo nghị quyết này là cơ sở xây dựng dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, huyện, thành phố.

3.2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đã bao gồm nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương ban hành đến 31/5/2016 và Nghị quyết của HĐND tỉnh đến hết năm 2016 (*chưa bao gồm: kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính Phủ; kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp*); định mức chi được tính trên mức lương cơ sở là 1.210.000 đồng theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP của Chính Phủ.

3.3. Tổng dự toán chi của ngân sách huyện, thành phố và dự toán chi của lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ, an ninh - quốc phòng được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết này và đảm bảo bằng và hơn dự toán chi năm 2016 HĐND tỉnh quyết nghị.

4. Thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

4.1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 ban hành kèm theo nghị quyết này để xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ, an ninh - quốc phòng bằng và cao hơn dự toán HĐND tỉnh quyết nghị. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình thực tế, UBND huyện, thành phố trình HĐND huyện, thành phố phân bổ dự toán đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, để làm căn cứ phân bổ dự toán ngân sách năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

4.2. Thực hiện điều chỉnh giá, phí dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ (*viết tắt là Nghị định 16*) về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; giảm dần mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công, dành nguồn lực chuyển sang thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh như: chế độ, chính sách về an sinh xã hội, bảo trợ xã hội... Hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, căn cứ kết quả thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan, UBND tỉnh xác định phần giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

4.3. Trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cơ quan Đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước, các đơn vị dự toán và các huyện, thành phố phải quán triệt nguyên tắc triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính gắn với lộ trình tinh giảm biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; thực hiện công khai, minh bạch ngân sách theo quy định, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Nghị quyết số 342/2010/NQ-HĐND ngày 10 ngày 12 tháng 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Sơn La năm 2011 hết hiệu lực từ ngày nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận: *hct*

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- UB TC - NS của Quốc hội;
- VP QH, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Ban chỉ đạo Tây Bắc;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện uỷ, thành uỷ; HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Văn phòng tỉnh uỷ; VP UBND Tỉnh;
- LĐ, CV Văn phòng HĐND tỉnh;
- Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm công báo tỉnh; Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu VT, 450 b.

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016
của HĐND tỉnh Sơn La)*

CHƯƠNG I

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN CẤP TỈNH

Điều 1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính

1. Định mức tính theo chỉ tiêu biên chế của cấp có thẩm quyền giao

TT	Loại hình đơn vị	Định mức chi khác (Triệu đồng/biên chế/ năm)
I	Cơ quan đảng cấp tỉnh	
1	Văn phòng tỉnh ủy	55
2	Các Ban đảng	42
3	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh	42
4	Đảng ủy khối doanh nghiệp	42
5	Trường chính trị, Báo Sơn La	42
II	MTTQ và các đoàn thể chính trị	42
III	Cơ quan quản lý nhà nước	
1	Văn phòng HĐND tỉnh, UBND tỉnh	42
2	Dưới 30 biên chế	32
3	Từ 30 biên chế đến 59 biên chế	30
4	Từ 60 biên chế trở lên	29

2. Định mức này đã bao gồm:

điện nước, khen thưởng...; các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên phát sinh hàng năm: Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra theo ngành, lĩnh vực; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; Kinh phí bồi dưỡng, tập huấn, đăng ký hộ tịch...

- Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản; chi mua bảo hiểm phương tiện; chi hoạt động của MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội...

3. Định mức này không bao gồm:

- Quỹ tiền lương, phụ cấp lương và các khoản có tính chất lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn). Các khoản chi này được tính bổ sung cho các đơn vị trên cơ sở biên chế hưởng lương từ NSNN và các chế độ, chính sách về tiền lương hiện hành.

- Các khoản chi hoạt động của Cấp ủy, Thường trực tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

- Chi bầu cử HĐND các cấp.
- Chi đại hội nhiệm kỳ của các đoàn thể.
- Kỷ niệm các ngày lễ lớn của cả nước, của tỉnh.
- Chi tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước.
- Chi đoàn ra, đoàn vào và đối ngoại.
- Kinh phí các Ban chỉ đạo cấp tỉnh, tổ công tác; chi nghiệp vụ đặc thù của các ngành, đơn vị.
- Chi sửa chữa, mua sắm tài sản, phương tiện phục vụ hoạt động công tác có giá trị trên 100 triệu đồng.
- Chi thực hiện nhiệm vụ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao ngoài kế hoạch.

4. Đối với các Hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Năm 2017, năm đầu tiên thực hiện Luật ngân sách nhà nước năm 2015, tiếp tục kế thừa giao dự toán theo nhiệm vụ được giao của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tế của địa phương; từ năm 2018 thực hiện giao dự toán theo quy định của Luật hội.

Điều 2. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp

Ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, cụ thể:

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật về giá.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (*do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí*):

- Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định phần thực hiện nhiệm vụ tính giao như: chống dịch, bão lũ, mua sắm, sửa chữa.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (*theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp*):

- Thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong thời gian 3 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định.

- Trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù và chi hoạt động thường xuyên được vận dụng tối đa bằng định mức phân bổ chi quản lý hành chính của đơn vị cùng qui mô biên chế, các đơn vị xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên.

4. Trong thời gian các quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực chưa được ban hành; các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo lộ trình; ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng sự nghiệp công. Hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, căn cứ kết quả thực hiện Nghị định 16 và các văn bản pháp luật có liên quan, UBND tỉnh xác định phần giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh các chế độ, chính sách về an sinh xã hội, đảm bảo xã hội...

Năm 2017, định mức phân bổ chi thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp, cụ thể như sau:

4.1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp y tế cấp tỉnh (Ngân sách hỗ trợ)

TT	Loại hình đơn vị	Định mức chi khác (Triệu đồng/giường bệnh/ năm)
I	Khám chữa bệnh	
1	Bệnh viện đa khoa từ 200 giường trở lên	13
2	Bệnh viện đa khoa dưới 200 giường	15
3	Bệnh viện chuyên khoa	
3.1	Bệnh viện chuyên khoa từ 100 giường trở lên	20
3.2	Bệnh viện chuyên khoa dưới 100 giường	23
II	Khởi y tế dự phòng	16

4.1.1. Đối với chi khám chữa bệnh:

Thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn Quốc. Ngân sách nhà nước giảm chi thường xuyên cho các cơ sở y tế công lập đối với các khoản chi đã kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh.

- Định mức bao gồm:

+ Phần chi phí chưa kết cấu vào giá, phí dịch vụ khám chữa bệnh theo lộ trình quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015.

+ Hỗ trợ hoạt động chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí theo quy định tại Khoản 6, Điều 6 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015.

- Định mức không bao gồm:

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí quỹ tiền lương của các đơn vị sự nghiệp công trong trường hợp nguồn tài chính của đơn vị không đảm bảo hoạt động thường xuyên, được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên, tiếp tục được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí theo quy định tại Khoản 6, Điều 6 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015.

+ Kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn, tài sản cố định và các nhiệm vụ đặc thù được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao.

4.1.2. Đối với y tế dự phòng:

- Định mức bao gồm các khoản chi phí quản lý, chi khác.

- Định mức không bao gồm:

+ Tiền lương, phụ cấp lương, phụ cấp đặc thù Ngành y tế, phụ cấp theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 và các khoản đóng góp.

+ Các khoản chi: Phun tiêu độc khử trùng, mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định và các nhiệm vụ đặc thù được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao...

4.1.3. Mức hỗ trợ và định mức phân bổ kinh phí thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế

Căn cứ Điều 3, Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ, ngân sách địa phương hỗ trợ thêm ngoài quy định của Chính phủ:

- Người thuộc hộ gia đình cận nghèo, hỗ trợ 30%.

- Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, hỗ trợ: 20%.

- Học sinh, sinh viên, hỗ trợ: 20%.

4.2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo cấp tỉnh (Ngân sách hỗ trợ)

TT	Loại hình đơn vị	Định mức chi khác (Triệu đồng/học sinh/ năm)
1	Sự nghiệp giáo dục (tính theo học sinh)	
-	Trung học phổ thông	1
-	Trung học phổ thông chuyên	2,7
-	Trường dân tộc nội trú	2,7
2	Sự nghiệp Đào tạo	
2.1	Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật	2,7
2.2	Các Trường Cao đẳng chuyên nghiệp, cao đẳng nghề	
-	Hệ cao đẳng	1,3
-	Hệ trung cấp	1,2

- Năm 2017, bảo đảm tỷ lệ chi lương, phụ cấp lương và các khoản có tính chất lương của toàn ngành Giáo dục 82%, tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục 18%, bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ toàn ngành; kinh phí thực hiện chương trình cải cách giáo dục phổ thông và một số khoản chi khác (*chưa kể nguồn thu học phí*). Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 giữa ngân sách các cấp; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của ngân sách địa phương.

- Tỷ lệ phân bổ chi khác năm 2017 được tính theo tiền lương tối thiểu 1.210.000 đồng theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP của Chính Phủ. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách, nhà nước điều chỉnh tăng mức lương cơ sở thì không điều chỉnh tăng chi khác theo tỷ trọng tương ứng; việc điều chỉnh tăng chi khác được thực hiện trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách.

- Định mức chi đã bao gồm:

+ Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp như: Phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, văn phòng phẩm, điện, nước, khen thưởng...; các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên phát sinh hàng năm: tập huấn nghiệp vụ...

+ Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản...

- Định mức chi không bao gồm:

+ Các khoản chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp (*Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và Bảo hiểm thất nghiệp*); học bổng học sinh, sinh hoạt phí các đối tượng chính sách.

+ Nguồn thu sự nghiệp của các cơ sở giáo dục, kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

+ Kinh phí đào tạo cán bộ công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định và các nhiệm vụ đặc thù được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao.

- Đối với sự nghiệp đào tạo

+ Hệ đào tạo gồm các chỉ tiêu có ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trước ngày 31/10 năm trước của năm dự toán).

+ Kinh phí tuyển sinh đào tạo, bồi dưỡng các chỉ tiêu theo liên kết đào tạo và hệ không có ngân sách nhà nước do các cơ sở đào tạo cân đối theo quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Giáo dục - Đào tạo.

- Đào tạo học sinh cử tuyển và học sinh Lào: Thực hiện theo chế độ Nhà nước và Nghị quyết HĐND tỉnh quy định

- Đối với Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp dạy nghề: Ngân sách nhà nước đảm bảo dự toán chi theo cơ cấu: Chi quỹ tiền lương: 85%, chi khác: 15%.

Điều 3. Các khoản chi không định mức: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách, HĐND tỉnh quyết định mức chi cụ thể, gồm:

1. Chi đảm bảo xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác của tỉnh như chính sách phòng chống ma túy; chính sách hỗ trợ đơn vị đạt tiêu chuẩn 4 không về ma túy...

2. Chi thực hiện chính sách cho vay hộ nghèo thông qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: Năm 2017, bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội tối thiểu 5.000 triệu đồng. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh mức hỗ trợ cho phù hợp.

3. Chi an ninh - quốc phòng:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng địa phương theo quy định; kinh phí đảm bảo an ninh biên giới; kinh phí diễn tập phòng thủ và các nhiệm vụ đặc thù của toàn tỉnh; kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

- Trường hợp có phát sinh nhiệm vụ đặc biệt về an ninh - quốc phòng, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các huyện, thành phố theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

4. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Căn cứ dự toán được Trung ương giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định đảm bảo nguyên tắc bằng hoặc cao hơn dự toán Trung ương.

5. Chi sự nghiệp kinh tế: Phân bổ tối thiểu 2% so với tổng chi thường xuyên của ngân sách địa phương; đảm bảo kinh phí thực hiện tốt Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ miễn thuế lợi phí theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính Phủ; kinh phí quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính Phủ; kinh phí thực hiện chính sách làm đường giao thông nông thôn; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trồng cây ăn quả, cây dược liệu; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch tạo quỹ đất sạch để tổ chức bán đấu giá đất; kinh phí chuyển đổi đất lâm nghiệp đang canh tác nương rẫy (*sản xuất cây lương thực ngắn ngày*) sang trồng cây ăn quả trên đất dốc; kinh phí triển khai ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp;...

6. Chi hoạt động môi trường: Căn cứ dự toán Chính phủ giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định. Đảm bảo nguyên tắc ưu tiên các nguồn vốn ngân sách thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cao hơn dự toán Trung ương giao; kinh phí thực hiện các dự án môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi trợ giá đối với Báo Đảng địa phương.

8. Chi thường xuyên khác: Bao gồm các khoản chi hỗ trợ các đoàn đi công tác nước ngoài, tiếp khách; Kinh phí khen thưởng... theo dự toán các khoản chi.

9. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản vốn vay theo quy định tại điểm b khoản 6 điều 7 của Luật Ngân sách nhà nước 2015: Thực hiện theo qui định tại điều 5, điều 7, điều 59 và điều 70 của Luật Ngân sách Nhà nước 2015.

10. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: Căn cứ dự toán Chính phủ giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định theo đúng quy định.

11. Dự phòng ngân sách tỉnh:

Bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước nhằm chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, cứu đói; giải quyết kịp thời các nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác nhưng chưa được bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao.... Mức bố trí tối thiểu bằng 2% tổng chi ngân sách cấp tỉnh.

12. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách:

- Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố theo quy định đối với các chính sách mới, chính sách tăng mức chi so với định mức đã tính trong dự toán chi cân đối ngân sách huyện, thành phố năm 2017 - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách trên cơ sở số hỗ trợ của ngân sách Trung ương.

- Các chế độ, chính sách đã tính năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, không thay đổi kinh phí (*do tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách*) các huyện, thành phố chủ động bố trí ngân sách huyện, thành phố để thực hiện; trường hợp có thừa, thiếu kinh phí so với định mức đã bố trí năm đầu thời kỳ ổn định, các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh, Bộ Tài chính bố trí dự toán ngân sách năm sau để các huyện, thành phố có nguồn triển khai thực hiện.

CHƯƠNG II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ (BAO GỒM CẢ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN)

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

- Phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 đến 18 tuổi.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	1.493.470
2- Miền núi	2.488.920
3- Vùng Cao	3.834.500

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

+ Tính đủ cho các cấp giáo dục: Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (*Liên cấp*).

+ Các chế độ cho học sinh bán trú.

- Năm 2017, bảo đảm tỷ lệ chi lương, phụ cấp lương và các khoản có tính chất lương của toàn ngành Giáo dục 82%, tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục 18%, bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ toàn ngành; kinh phí thực hiện chương trình cải cách giáo dục phổ thông và một số khoản chi khác (*chưa kể nguồn thu học phí*). Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 giữa ngân sách các cấp; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của ngân sách địa phương.

- Tỷ lệ phân bổ chi khác năm 2017 được tính theo tiền lương tối thiểu 1.210.000 đồng. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước điều chỉnh tăng mức lương cơ sở thì không điều chỉnh tăng chi khác theo tỷ trọng tương ứng; việc điều chỉnh tăng chi khác được thực hiện trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách.

- Ngoài định mức phân bổ nêu trên được tính bổ sung:

- + Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi.
- + Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.
- + Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.
- + Kinh phí Trung tâm học tập cộng đồng.

- Đối với chính sách kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính Phủ: Căn cứ đối tượng thực tế, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh và Bộ Tài chính hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh theo đúng quy định.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Đào tạo:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số (*trừ dân số từ 18 tuổi trở xuống*).

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	8.100
2- Miền núi	11.690
3- Vùng Cao	16.470

- Định mức phân bổ nêu trên đã tính đủ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cơ sở của Trung tâm chính trị huyện, thành phố theo chế độ quy định của Bộ Tài chính và HĐND tỉnh.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Y tế:

- a. Phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	60.220
2- Miền núi	126.000
3- Vùng Cao	205.440

- Định mức phân bổ nêu trên bao gồm các chế độ, chính sách phụ cấp đặc thù ngành y tế và tăng kinh phí cho công tác dự phòng để thực hiện Nghị quyết số 18/2008/QH12 của Quốc hội theo quy định (*chưa kể nguồn thu viện phí*).

- Ngoài định mức phân bổ nêu trên được tính bổ sung: Kinh phí chi hoạt động thường xuyên của Trạm y tế xã, mức bổ sung 30 triệu đồng/trạm/năm; Trạm y tế phường, thị trấn, mức bổ sung 25 triệu đồng/trạm/năm.

b. Đối với dự toán các Bệnh viện đa khoa huyện: Thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc; Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các cơ sở y tế công lập đối với các khoản chi đã kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh.

- Bệnh viện đa khoa từ 200 giường trở lên: Định mức chi khác 13 triệu đồng/giường bệnh/năm.

- Bệnh viện đa khoa dưới 200 giường: Định mức chi khác 15 triệu đồng/giường bệnh/năm.

+ Định mức bao gồm: Phần chi phí chưa kết cấu vào giá, phí dịch vụ khám chữa bệnh theo lộ trình quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015; hỗ trợ hoạt động chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí theo quy định tại Khoản 6, Điều 6 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015.

+ Định mức không bao gồm: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí quỹ tiền lương của các đơn vị sự nghiệp công trong trường hợp nguồn tài chính của đơn vị không đảm bảo hoạt động thường xuyên, được cấp có thẩm quyền phân loại là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên, tiếp tục được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí theo quy định tại Khoản 6, Điều 6 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015.

Điều 7. Định mức phân bổ chi ngân sách Đảng, Đoàn thể, QLNN:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	106.920
2- Miền núi	143.930
3- Vùng Cao	188.290

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm: Kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội có tính chất đặc thù; kinh phí hoạt động của HĐND các cấp; Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp dân quân tự vệ; kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng theo quyết định 99/QĐ-TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng; kinh phí hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong các cơ quan; kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo 2968 cấp huyện, thành phố; kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; kinh phí tổ giúp việc đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kinh phí rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp 1 cửa; Chế độ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở Bản, tiểu khu, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng, tập huấn, đăng ký hộ tịch; kinh phí hòa giải cơ sở; kinh phí thực hiện đề án đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020; kinh phí phản biện của Ủy ban MTTQ...

- Ngoài định mức phân bổ chi ngân sách theo dân số nêu trên; phân bổ thêm cho các huyện, thành phố theo số đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

+ Mỗi xã, phường, thị trấn được bổ sung thêm 200 triệu đồng/xã/năm.

+ Đối với các huyện, thành phố bổ sung kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật bình quân 50 triệu đồng/huyện/năm; huyện có trên 15 xã được bổ sung thêm 10 triệu đồng/năm và huyện có trên 20 xã được bổ sung 20 triệu đồng/năm.

+ Bổ sung kinh phí tử sách pháp luật 2 triệu đồng/xã/năm và bổ sung kinh phí tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho các xã, phường, thị trấn: Xã dưới 20 bản được bổ sung 1,5 triệu đồng/xã/năm; xã từ 20 bản đến 30 bản được bổ sung 2 triệu đồng/xã/năm và xã trên 30 bản được bổ sung 2,5 triệu đồng/xã/năm.

- Thành phố Sơn La được bổ sung thêm 3% chi quản lý hành chính của ngân sách Thành phố.

- Đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/NQ-CP của Chính phủ (*huyện Phù Yên, Bắc Yên, Mường La, Quỳnh Nhai*): Phân bổ thêm 1,5% chi quản lý hành chính của ngân sách huyện.

- Huyện Sốp Cộp, Vân Hồ được bổ sung thêm 1,5% chi quản lý hành chính của ngân sách huyện.

- Năm 2017, căn cứ định mức nêu trên, nếu tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ không kể chi tiền lương, phụ cấp lương nhỏ hơn 15% so với tổng chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể thì sẽ được bổ sung đủ tỷ lệ 15% bảo đảm tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 85%. Đối với các huyện, thành phố khi tính dự toán năm 2017 thấp hơn dự toán năm 2016 sẽ tính đủ bằng dự toán năm 2016; **Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm đầu**

thời kỳ ổn định ngân sách 2017 giữa ngân sách các cấp, các năm tiếp theo căn cứ khả năng cân đối ngân sách đảm bảo mức dự toán chi bằng hoặc cao hơn so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

- Tỷ lệ phân bổ chi khác năm 2017 được tính theo tiền lương tối thiểu 1.210.000 đồng. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước điều chỉnh tăng mức lương cơ sở thì không điều chỉnh tăng chi khác theo tỷ trọng tương ứng; việc điều chỉnh tăng chi khác được thực hiện trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách.

- Căn cứ định mức trên và khả năng tăng thu ngân sách, UBND huyện, thành phố trình HĐND huyện, thành phố quyết định phân bổ cho Cơ quan Đảng, đoàn thể và quản lý hành chính cấp huyện:

+ Đối với Văn phòng huyện uỷ, thành uỷ; Văn phòng HĐND-UBND huyện, thành phố: Định mức chi tối thiểu (*Không bao gồm chi lương và các khoản có tính chất lương*): 33 triệu đồng/biên chế/năm, bao gồm kinh phí phục vụ hoạt động của Ban chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ huyện uỷ, thành uỷ; thường trực huyện uỷ, thành uỷ; kinh phí phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố HĐND, UBND huyện, thành phố.

+ Đối với các cơ quan hành chính khác (*Các Ban đảng, MTTQ và các đoàn thể chính trị*): Định mức chi tối thiểu (*Không bao gồm chi lương và các khoản có tính chất lương*): 26 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Các đơn vị thuộc UBND huyện: Định mức chi tối thiểu (*Không bao gồm chi lương và các khoản có tính chất lương*): 22 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Hỗ trợ các Hội đặc thù; các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp: **Năm 2017, năm đầu tiên thực hiện Luật ngân sách nhà nước năm 2015, tiếp tục kế thừa giao dự toán theo nhiệm vụ được giao của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tế của địa phương; từ năm 2018 thực hiện giao dự toán theo quy định của Luật hội.**

Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Văn hoá - thông tin và thể dục thể thao:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	8.550
2- Miền núi	9.100
3- Vùng Cao	11.770

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm cả các khoản kinh phí hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, nâng cao chất lượng hoạt động văn hoá văn nghệ; công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá; kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và các giải thể thao theo nghị quyết HĐND Tỉnh..

- Ngoài định mức phân bổ chi ngân sách theo dân số nêu trên; hỗ trợ khu du lịch quốc gia được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt tại Quyết định số 2050/QĐ-TTg ngày 12/11/2014 (gồm huyện Mộc Châu, Vân Hồ): Mức hỗ trợ 3.000 triệu đồng khu du lịch quốc gia (1.500 triệu đồng/huyện).

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp Phát thanh, truyền hình:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	8.550
2- Miền núi	9.100
3- Vùng Cao	11.770

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm cả các khoản kinh phí hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, chi phí phục vụ công phát thanh truyền hình, kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng, phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc, nhuận bút.

- Phân bổ thêm kinh phí cho các huyện có trạm phát lại phát thanh truyền hình; Kinh phí thực hiện chính sách nước sạch sinh hoạt theo Nghị quyết 93/NQ-NĐND của HĐND tỉnh.

Điều 10. Định mức phân bổ chi Đảm bảo xã hội:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	25.460
2- Miền núi	36.790
3- Vùng Cao	47.170

- Đối với các huyện, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% đến 35% được tính hệ số 1,1 theo định mức nêu trên.

- Đối với các huyện, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo trên 35% được tính hệ số 1,2 theo định mức nêu trên.

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách như: gia đình thương, bệnh binh, liệt sỹ, người có công với

cách mạng... vào các ngày lễ, tết; mức phân bổ bình quân 500.000 đồng/người/năm.

- Ngoài ra, phân bổ thêm cho các huyện, thành phố:

+ Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính Phủ; kinh phí chi trả bảo trợ xã hội cho các đối tượng xã hội thông qua hệ thống bưu điện.

+ Kinh phí thực hiện chính sách phòng, chống ma túy theo nghị quyết của HĐND tỉnh và quyết định của UBND tỉnh.

+ Kinh phí thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1984 của Hội đồng bộ trưởng.

+ Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 7/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Kinh phí cộng tác viên xã hội.

+ Kinh phí liên gia tự quản.

- Đối với các huyện, thành phố nếu định mức phân bổ thấp hơn so dự toán chi bảo trợ xã hội cho các đối tượng chính sách thì được xem xét bổ sung hàng năm.

- Đối với chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiền điện, hộ chính sách: Căn cứ đối tượng thực tế, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh và Bộ tài chính hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh theo đúng quy định.

- Đối với chi thực hiện chính sách cho vay hộ nghèo thông qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, thành phố: Năm 2017, ngân sách huyện, thành phố bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội và nguồn tăng thu ngân sách tối thiểu 100 triệu đồng. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách huyện và nguồn tăng thu, UBND huyện, thành phố trình HĐND huyện, thành phố quyết định mức bổ sung cho phù hợp.

Điều 11. Định mức phân bổ chi An ninh - Quốc phòng và đối ngoại:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	22.550
2- Miền núi	31.000

3- Vùng Cao	32.950
-------------	--------

- Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm các khoản: Kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ.

- Đối với huyện có xã, bản có đường biên, cột mốc quốc giới với Nước CHDCND Lào được bổ sung thêm kinh phí theo số xã, bản và số cột mốc quốc giới; Mức bổ sung cụ thể:

- + Xã có đường biên giới : 250 triệu đồng/xã/năm.
- + Bản quản lý đường biên giới dưới 10 km: 5.000.000 đồng/bản/năm.
- + Bản quản lý đường biên giới từ 10 km đến dưới 20 km: 10.000.000 đồng/bản/năm.
- + Bản quản lý đường biên giới từ 20 km trở lên: 15.000.000 đồng/bản/năm.
- + Hỗ trợ kinh phí quản lý cột mốc quốc giới: 2.000.000 đồng/cột mốc/năm.

- Định mức phân bổ nêu trên chưa bao gồm các khoản kinh phí đặc thù thực hiện nhiệm vụ an ninh - quốc phòng của toàn tỉnh; kinh phí diễn tập phòng thủ hàng năm; kinh phí đảm bảo an ninh biên giới.

Điều 12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp môi trường:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	4.360
2- Miền núi	5.450
3- Vùng Cao	6.540

- Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm kinh phí quy hoạch sử dụng đất, kiểm kê đất đai và đo đạc địa chính.

- Riêng đối với Thành phố Sơn La được phân bổ thêm **50.000 đồng/người dân/năm** để thực hiện nhiệm vụ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất độc hại trong lĩnh vực y tế; duy tu, sửa chữa các công trình phục vụ công tác bảo vệ môi trường.

- Các huyện, thành phố được phân bổ thêm dịch vụ công ích đô thị gồm: Duy trì hệ thống thoát nước đô thị; dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng đô thị; quản lý và chăm sóc, duy trì cây xanh, hoa cảnh đô thị; duy trì hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn trang trí

và đèn tín hiệu giao thông nội thị và các dịch vụ chỉnh trang đô thị thường xuyên khác (treo cờ, quét vôi, sơn đường) theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 5/8/2016 của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

- Đảm bảo mức bình quân chung chi sự nghiệp kinh tế của 12 huyện, thành phố được phân bổ tối thiểu 2% so với tổng chi thường xuyên của ngân sách huyện, thành phố. Các huyện, thành phố phải giao chỉ tiêu tăng thu ngân sách để bố trí tăng chi cho sự nghiệp kinh tế; Bố trí lồng ghép với các nguồn vốn khác để thực hiện tốt Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; kinh phí công tác quy hoạch, nhất là quy hoạch xây dựng nông thôn mới; chính sách phát triển giao thông nông thôn; công tác duy tu, bảo dưỡng đường giao thông huyện quản lý; kinh phí thực hiện chính sách thu hút đầu tư; kinh phí chuyển đổi đất lâm nghiệp đang canh tác nương rẫy (*sản xuất cây lương thực ngắn ngày*) sang trồng cây ăn quả trên đất dốc;

- Đối với đô thị loại II, III, V thuộc tỉnh được bổ sung thêm 7,5 tỷ đồng/năm.

- Đối với đô thị loại IV thuộc tỉnh được bổ sung thêm 5 tỷ đồng/năm.

- Thành phố Sơn La được bổ sung thêm kinh phí thực hiện công tác duy tu, sửa chữa đường nội thị, điện chiếu sáng công cộng;

- Các huyện, thành phố được bố trí trong định mức kinh phí công tác duy tu, bảo dưỡng đường giao thông huyện quản lý (*Định mức 5 triệu đồng/km/năm*).

- Các đơn vị hành chính thành lập mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ.

+ Đối với cấp huyện được hỗ trợ 10 tỷ đồng/đơn vị; ngoài ra ngân sách địa phương hỗ trợ 5 tỷ đồng/đơn vị.

+ Đối với cấp xã được hỗ trợ 2 tỷ đồng/đơn vị

+ Số kinh phí hỗ trợ này được thực hiện trong 3 năm kể từ khi điều chỉnh lại địa giới hành chính theo nghị định của Chính phủ

- Thành phố Sơn La, huyện Vân hồ, Sốp Cộp được hỗ trợ kinh phí để triển khai một số dự án công trình trọng điểm, cấp thiết trên địa bàn.

- Hàng năm căn cứ vào khả năng tăng thu ngân sách và các nguồn bổ sung, hỗ trợ thêm của Trung ương. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định mức bổ sung tăng thêm cho từng huyện, thành phố và từng lĩnh vực cụ thể.

Điều 14. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác, bao gồm:

- Các khoản chi ngoại vụ; biên giới; hỗ trợ các đoàn đi công tác nước ngoài; tiếp khách; kinh phí khen thưởng; kinh phí quan hệ với các địa phương nước bạn...

- Mức phân bổ bằng 0,2% so với tổng các khoản chi thường xuyên của ngân sách huyện, thành phố.

Điều 15. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách:

- Bố trí dự phòng ngân sách cấp huyện, xã theo quy định của Luật ngân sách nhà nước nhằm chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, cứu đói; giải quyết kịp thời các nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác nhưng chưa được bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao...;

- Mức bố trí tối thiểu bằng 2% tổng chi ngân sách huyện, thành phố.

CHƯƠNG III**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(TRONG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ)****Điều 16. Định mức chi ngân sách đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước:**

- Phân bổ theo tiêu chí dân số

+ Đối với xã có từ 5.000 dân trở xuống

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
2- Miền núi	160.000
3- Vùng Cao	190.000

+ Đối với phường, thị trấn có từ 10.000 dân trở xuống

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	58.000
2- Miền núi	70.000
3- Vùng Cao	85.000

+ Ngoài ra đối với xã có trên 5.000 dân và phường, thị trấn có trên 10.000 dân được phân bổ thêm

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	25.000
2- Miền núi	30.000
3- Vùng Cao	35.000

- Định mức trên đảm bảo tính đủ tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương đối với cán bộ chuyên trách và công chức xã; sinh hoạt phí và bảo hiểm y tế của đại biểu HĐND cấp xã; kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng theo Quyết định 99/QĐ-TW ngày 30/5/2012 của Bộ Chính trị; các khoản chi hoạt động của Cơ quan Đảng, đoàn thể, quản lý nhà nước; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác...

- Năm 2017, căn cứ phân bổ nêu trên, nếu tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ (*không kể chi tiền lương, phụ cấp lương*) đối với cán bộ chuyên trách, công chức xã nhỏ hơn 15% tổng chi hành chính, đảng, đoàn thể, được bổ sung đủ tỷ lệ 15%. Tỷ lệ này chỉ áp dụng đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách, HĐND tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của ngân sách.

- Chế độ chính sách đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố; chế độ phụ cấp cấp uỷ bản, tiểu khu, tổ dân phố và các chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở xã (*Các chính sách hỗ trợ do HĐND tỉnh quyết định*). Căn cứ vào số lượng cán bộ và mức phụ cấp đã được HĐND tỉnh quyết định để tính bổ sung cho các xã, phường, thị trấn.

Điều 17. Định mức chi sự nghiệp y tế

- Kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ y tế bản theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh.

- Ngoài định mức phân bổ nêu trên, mỗi xã được phân bổ kinh phí chi hoạt động thường xuyên 30 triệu đồng/trạm/năm và phường, thị trấn được phân bổ là 25 triệu đồng/trạm/năm. Nguồn kinh phí được phân bổ và cấp bổ sung thông qua Trung tâm y tế các huyện, thành phố.

Điều 18. Định mức chi sự nghiệp văn hoá - thông tin và thể dục, thể thao

- Phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	8.000
2- Miền núi	11.000
3- Vùng Cao	13.000

Điều 19. Định mức chi đảm bảo xã hội:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	4.000
2- Miền núi	6.500
3- Vùng Cao	7.000

+ Đối với các xã, phường, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% đến 35% được tính hệ số 1,1 theo định mức nêu trên.

+ Đối với các xã, phường, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo trên 35% được tính hệ số 1,2 theo định mức nêu trên

- Ngoài định mức phân bổ theo tiêu chí dân số, phân bổ thêm kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1984 của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 20. Định mức chi an ninh - quốc phòng:

- Phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: Đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ năm 2017
1- Đô thị	4.000
2- Miền núi	4.200
3- Vùng Cao	4.500

- Phân bổ thêm cho các xã có đường biên giới với Nước CHDCND Lào:

+ Bản quản lý đường biên giới dưới 10 km: 5.000.000 đồng/bản/năm.

+ Bản quản lý đường biên giới từ 10 km đến dưới 20 km: 10.000.000 đồng/bản/năm.

+ Bản quản lý đường biên giới từ 20 km trở lên: 15.000.000 đồng/bản/năm.

+ Hỗ trợ kinh phí quản lý cột mốc quốc giới: 2.000.000 đồng/cột mốc/năm.

- Đối với các xã loại 3 được miễn **Phí an ninh trật tự**, được phân bổ thêm 3.000 đồng/hộ để đảm bảo nguồn kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ an ninh trật tự trên địa bàn các xã.

Điều 21. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác bao gồm: Kinh phí khen thưởng; kinh phí mua sắm tài sản, phương tiện làm việc; kinh phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ và các công trình phúc lợi xã hội do xã quản lý... Mức phân bổ tối thiểu bằng 200 triệu đồng/xã. Đối với các xã chưa được trang bị hoặc chưa được trang bị đủ máy vi tính, máy phô tô theo quy định tại Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ và UBND tỉnh... Mức hỗ trợ cụ thể do UBND huyện, thành phố trình HĐND huyện, thành phố quyết định.

Điều 22. Định mức phân bổ dự phòng: Mức bố trí tối thiểu bằng 2% tổng chi thường xuyên ngân sách xã, phường, thị trấn.

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chát